TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày 12-01-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Minh Thông

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Công Biên

Bà Hoàng Thị Chính

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Trịnh Việt Anh - Thư ký Toà án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đô, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 210/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1429/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên toà số 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị T; nơi cư trú: Số 2/364 P, Phường T, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên toà.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Đức T; nơi cư trú: Tổ 7, phường T, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Bùi Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đức T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân Phường T, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng vào ngày 22 tháng 11 năm 2006. Sau khi kết hôn, chị và anh T về sống chung tại số 2/364 Phan Đăng Lưu, Phường T, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Sinh cháu Gia Minh được thời gian ngắn thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi nhau, cuộc sống vợ

chồng căng thẳng, không hạnh phúc. Nguyên nhân do quan điểm sống của hai người không hợp nhau, vợ chồng bất đồng nhau về quan điểm sống, tuy nhiên được sự động viên khuyên giải của hai bên gia đình, vợ chồng lại về đoàn tụ cùng nhau. Sau khi sinh cháu Gia Hân, mâu thuẫn vợ chồng lại phát sinh và trầm trọng. Căng thẳng nhất là từ tháng 6 năm 2020, chị và anh T đã sống ly thân nhau. Đến nay chị xác định tình cảm của chị đối với anh Nguyễn Đức T không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng và trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị đề nghị Toà án nhân dân quận Kiến An giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Đức T có 02 con chung là Nguyễn Đức Gia M, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2008 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 08 tháng 3 năm 2013. Chị hiện là Phó Hiệu trưởng Trường Mầm non H, thu nhập hàng tháng khoảng 7.000.000đ tháng, có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Khi ly hôn chị nhận nuôi cả 02 con chung đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh Nguyễn Đức T không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng: Quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án: Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử về cơ bản đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Đức Gia M, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2008 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 08 tháng 3 năm 2013 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và về tài sản chung do chị T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí, buộc chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Đức T là bị đơn, hiện cư trú tại số 2/364 Đường Phan Đăng Lưu, Phường T, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt anh Nguyễn Đức T: Tòa án nhân dân quận Kiến An đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Nguyễn Đức T không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản

2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Nguyễn Đức T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Đức T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân Phường T, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng ngày 22 tháng 11 năm 2006. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Căn cứ vào lời khai của chị Bùi Thị T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có đủ cơ sở xác định chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Đức T trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống, tính cách không hợp nhau. Tại phiên tòa, chị Bùi Thị T xác định tình cảm giữa chị và anh T không còn, chị giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh Nguyễn Đức T. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Đức T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị T là phù hợp pháp luật và thực tế vụ kiện, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Đức T có 02 con chung là Nguyễn Đức Gia M, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2008 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 08 tháng 3 năm 2013. Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Đức T không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T. Lời khai của chị Bùi Thị T và tài liệu chứng cứ thể hiện, từ trước đến nay, chị T vẫn chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung, anh T không có trách nhiệm gì. Để đảm bảo cho các cháu Nguyễn Đức Gia M và Nguyễn Gia H có điều kiện chăm sóc và phát triển một cách tốt nhất, Hội đồng xét xử quyết định giao cả 02 con chung là Nguyễn Đức Gia M và Nguyễn Gia H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, do chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Bùi Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản.

[6] Về án phí: Chị Bùi Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị T ly hôn anh Nguyễn Đức T.

2. Về con chung: Giao cả 02 con chung là Nguyễn Đức Gia M, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2008 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 08 tháng 3 năm 2013 cho chị Bùi

Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, do chị Bùi Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị Bùi Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015095 ngày 09 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, thành phố Hải Phòng, chị Bùi Thị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Nguyễn Đức T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Kiến An;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Kiến An;
- UBND Phường T, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng (ĐKHK: 22/11/2006);
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Minh Thông